

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 06/2026/DSST.

Ngày: 26/3/2026.

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
Cấp hạn mức tín dụng thẻ*”

Sacombank - Tuyệt.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Cao Cường và bà Lê Thị Hào.

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Hồng Quang - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Nhung - KSV.

Ngày 26/3/2026, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân Khu vực 8, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 295/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2026/QĐXX-DS ngày 20 tháng 01 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2026/QĐST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2026 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 03/2026/QĐST-DS ngày 26/02/2026, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ: B - B N, phường X, TP . Hồ Chí Minh.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Ngọc T. Chức vụ: Chuyên viên thu hồi nợ muộn (Văn bản ủy quyền số 1184/2025/QĐ - PC ngày 15/4/2025 của ông Nguyễn Đức Thạch D - Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP S và Văn bản ủy quyền số 68/2026/GUQ - CNQT ngày 26/3/2026 của ông Nguyễn Trần V - Giám đốc Chi nhánh - Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Q). Có mặt.

*** Bị đơn:** Bà Đặng Thị Ánh T1, sinh 1990.

Nơi cư trú: Thôn H, xã G, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 10/10/2025 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 18/01/2024, bà Đặng Thị Ánh T1 có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng với Ngân hàng TMCP S1 - Chi nhánh Q (Gọi tắt là Ngân hàng). Ngân

hàng đã đồng ý và cấp cho bà **Đặng Thị Ánh T1** hạn mức tín dụng 30.000.000 đồng cho thẻ tín dụng số 472074-2755, với mục đích tiêu dùng. Trong quá trình sử dụng thẻ, kể từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày 05/06/2024, bà **Đặng Thị Ánh T1** đã thanh toán đầy đủ theo hợp đồng đã ký kết. Nhưng từ ngày 05/07/2024 đến nay, bà **Đặng Thị Ánh T1** không thanh toán thêm lần nào nữa. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà **Đặng Thị Ánh T1** không có thiện chí hợp tác. Do đó, bà **Đặng Thị Ánh T1** vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 5 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngày 05/10/2024, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 5.7 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính đến ngày 10/10/2025, bà **Đặng Thị Ánh T1** còn nợ **Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Q** phát sinh từ giao dịch Thẻ tín dụng với số tiền 46.140.246 (*Bằng chữ: Bốn mươi sáu triệu một trăm bốn mươi ngàn hai trăm bốn mươi sáu đồng*), trong đó:

- Dư nợ: 28.814.200 đồng;
- Lãi trong hạn: 12.477.366 đồng;
- Lãi quá hạn: 4.848.680 đồng;
- Tổng nợ: 46.140.246 đồng.

Để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, **Ngân hàng TMCP S** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà **Đặng Thị Ánh T1** phải trả ngay cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** với tổng số tiền tính đến ngày xét xử (26/3/2026) là 52.705.620 (*Bằng chữ: Năm mươi hai triệu bảy trăm lẻ năm ngàn sáu trăm hai mươi*) đồng, trong đó:

- Dư nợ: 28.814.200 đồng;
- Lãi trong hạn: 2.780.006 đồng;
- Lãi quá hạn: 21.111.414 đồng;
- Tổng nợ: 52.705.620 đồng.

Và lãi, phí phát sinh tính từ ngày 27/3/2026 cho đến khi trả dứt điểm nợ vay theo lãi suất quy định tại các hợp đồng đã ký.

* Bị đơn bà **Đặng Thị Ánh T1** đã được Tòa án cấp, tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật hợp lệ, nhưng không hợp tác, Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi đăng ký thường trú và nơi tạm trú thì đều không có mặt; Tòa án đã cấp, tổng đạt hợp lệ (niêm yết công khai) Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà mà không do sự kiện bất khả kháng hoặc vì trở ngại khách quan.

*** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành tố tụng, giải quyết, xét xử vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định; Nguyên đơn, người đại diện theo uỷ của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 86 BLTTDS; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 BLTTDS.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39 và khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của BLTTDS năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS ngày 25/6/2025 của Quốc hội;

Căn cứ khoản 3 Điều 40; Điều 117; Điều 357; Điều 429 của BLDS năm 2015;

Các Điều 8, 90, 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Điều 26 và 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S**, buộc bị đơn bà **Đặng Thị Ánh T1** có trách nhiệm thanh toán cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** số tiền 52.705.620 (*Bằng chữ: Năm mươi hai triệu bảy trăm lẻ năm ngàn sáu trăm hai mươi*) đồng.

Và lãi, phí phát sinh tính từ ngày 27/3/2026 cho đến khi trả dứt điểm nợ vay theo lãi suất quy định tại các hợp đồng đã ký.

+ Bị đơn chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn - **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** đề ngày 10/10/2025, tài liệu chứng cứ tại hồ sơ vụ án thì các bên đương sự tranh chấp Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ đã ký giữa nguyên đơn - **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** với bà **Đặng Thị Ánh T1**, nên Tòa án nhân dân Khu vực 8 xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ*”, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại **Thôn H, xã G, tỉnh Quảng Trị**, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS ngày 25/6/2025 của Quốc hội; Tòa án nhân dân Khu vực 8 thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn - Bà **Đặng Thị Ánh T1** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3]. Về áp dụng pháp luật: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng được hai bên giao kết và thực hiện từ sau ngày 01/01/2017, nên Hội đồng xét xử áp dụng các quy định và các điều luật của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[4]. Về nội dung: Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ cá nhân ký ngày 18/01/2024, hạn mức thẻ tín dụng là 30.000.000 đồng. Loại thẻ Visa Classic giữa **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** - **Chi nhánh Q** với bà **Đặng Thị Ánh T1** thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định của giao dịch dân sự nói chung cũng như các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng tín dụng theo quy định của

Luật Các tổ chức tín dụng nói riêng, là giao dịch hợp pháp, có giá trị bắt buộc với các bên tham gia giao dịch.

Xét yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S - Chi nhánh Q:**

Từ ngày 05/7/2024, bà **Đặng Thị Ánh T1** vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 5 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) đã được thỏa thuận và cam kết trong Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ cá nhân ký ngày 18/01/2024 nên Ngân hàng đã nhắc nhở và đến ngày 05/10/2024, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 5.7 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) và Ngân hàng có quyền thu hồi toàn bộ dư nợ còn lại của bà **Đặng Thị Ánh T1** theo thỏa thuận trong Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ cá nhân ký ngày 18/01/2024.

Tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn - **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S - Chi nhánh Q** yêu cầu bị đơn bà **Đặng Thị Ánh T1** phải trả ngay cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** với tổng số tiền tính đến ngày xét xử (26/3/2026) là 52.705.620 (*Bằng chữ: Năm mươi hai triệu bảy trăm lẻ năm ngàn sáu trăm hai mươi*) đồng, trong đó:

- Dư nợ: 28.814.200 đồng;
- Lãi trong hạn: 2.780.006 đồng;
- Lãi quá hạn: 21.111.414 đồng;
- Tổng nợ: 52.705.620 đồng.

Và lãi, phí phát sinh tính từ ngày 27/3/2026 cho đến khi trả dứt điểm nợ vay theo lãi suất quy định tại các hợp đồng đã ký.

Từ những phân tích trên, HĐXX xét thấy cần buộc bà **Đặng Thị Ánh T1** phải trả cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (26/3/2026) là 52.705.620 (*Bằng chữ: Năm mươi hai triệu bảy trăm lẻ năm ngàn sáu trăm hai mươi*) đồng, trong đó:

- Dư nợ: 28.814.200 đồng;
- Lãi trong hạn: 2.780.006 đồng;
- Lãi quá hạn: 21.111.414 đồng;
- Tổng nợ: 52.705.620 đồng.

Và lãi, phí phát sinh tính từ ngày 27/3/2026 cho đến khi trả dứt điểm nợ vay theo lãi suất quy định tại các hợp đồng đã ký.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn - bà **Đặng Thị Ánh T1** phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39 và khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của BLTTDS năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS ngày 25/6/2025 của Quốc hội;

Căn cứ khoản 3 Điều 40; Điều 117; Điều 357; Điều 429 của BLDS năm 2015;

Các Điều 8, 90, 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Điều 26 và 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** về việc yêu bà **Đặng Thị Ánh T1** trả nợ vay theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ cá nhân ký ngày 18/01/2024 cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (26/3/2026) là 52.705.620 (*Bằng chữ: Năm mươi hai triệu bảy trăm lẻ năm ngàn sáu trăm hai mươi*) đồng, trong đó:

- Dư nợ: 28.814.200 đồng;
- Lãi trong hạn: 2.780.006 đồng;
- Lãi quá hạn: 21.111.414 đồng;
- Tổng nợ: 52.705.620 đồng.

Và lãi, phí phát sinh tính từ ngày 27/3/2026 cho đến khi trả dứt điểm nợ vay theo lãi suất quy định tại các hợp đồng đã ký.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bị đơn - bà **Đặng Thị Ánh T1** phải chịu 2.635.281 (*Hai triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn hai trăm tám mươi một*) đồng án phí DSST.

2.2. Hoàn trả cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** số tiền tạm ứng án phí là 1.261.185 đồng đã nộp theo Biên lai thu số: 0001829 ngày 18/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/3/2026); bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 8, tỉnh Quảng Trị;
- THADS khu vực 8, tỉnh Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hải Yến

Nơi nhận:

- Các bên đương sự;
- VKSND H.Vĩnh Linh;
- CC THADS H.Vĩnh Linh;
- TAND T.Quảng Trị;
- Lưu hồ sơ, lưu án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Hoan